

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2024

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Hồ Viết Ân**

2/ Ông **Phạm Văn Thành**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Hoàng Châu Thạch T, sinh năm: 1973.

ĐKTT và nơi cư trú: số D, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: ông Lê Văn K, sinh năm: 1970.

ĐKTT và nơi cư trú: số D, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông K Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Hoàng Châu Thạch T trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, bà Hoàng Châu Thạch T và ông Lê Văn K tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 14/12/2000. Đây là hôn nhân lần đầu của ông bà. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã xô xát, ông K không quan tâm đến gia đình và ông bà đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay vợ chồng không

còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn K.

Về con chung: ông bà có 02 người con chung là Lê Xuân Q, sinh năm: 1998 và Lê Quỳnh H, sinh năm: 2001. Đối với các con chung đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên bà không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: bà trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Văn K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện C, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng các điều 51, 56 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 5, 6 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Hoàng Châu Thạch T ly hôn với ông Lê Văn K; về con chung: đã trưởng thành, nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Hoàng Châu Thạch T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn K. Ông K có nơi cư trú tại số D, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Châu Thạch T và ông Lê Văn K tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là

UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/KH ngày 14/12/2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ:

Bà T trình bày quá trình vợ chồng chung sống, xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã và xảy ra xô xát. Tại biên bản xác minh ngày 13/05/2024 Công an xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai xác nhận có sự việc trên. Ông Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ ông K không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về con chung: ông bà có 02 người con chung là Lê Xuân Q, sinh năm: 1998 và Lê Quỳnh H, sinh năm: 2001 đều đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết. Ông K không có lời khai về việc này, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 5, 6, 7 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Châu Thạch T.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Châu Thạch T được ly hôn ông Lê Văn K.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà Hoàng Châu Thạch T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Hoàng Châu Thạch T đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0012022 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Đường, h Cẩm Mỹ, t Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thùy Trang